TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18- 4-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Kiều Minh Tiến -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc D** – sinh ngày 28 tháng 9 năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ngã H, xã Hiếu Nh, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Võ Du A** - sinh ngày 17 tháng 9 năm 1983(vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Trung H1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Du A do tự quen biết và được sự đồng ý của 02 bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Thuận, huyện V vào ngày 10 tháng 01 năm 2009.

Sau ngày cưới anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải với nhau, anh Du A thường xuyên ghen tuông vô cớ, hành hung, ngược đãi xúc phạm danh D của chị D; Từ năm 2012 anh Du A thường xuyên tham gia cờ bạc không chăm lo cho gia đình. Chị D nhiều lần khuyên ngăn anh Du A nhưng đến năm 2018 anh lại tiếp tục cờ bạc, cầm cố thế chấp tài sản trong gia đình. Chị D và anh An đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay.

Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Võ Du A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2011. Cháu Th đang sống chung với chị D. Sau khi ly hôn chị D có ý kiến là tùy theo nguyện vọng của cháu Th, cháu muốn sống với ai thì người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, người còn lại không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Võ Du A đã được tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh Du A không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và D phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

** Tại bảng khai ý kiến ngày 02 tháng 01 năm 2019: cháu Nguyễn Ngọc Th có nguyện vọng muốn sống chung với chị D.*

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh (bản sao).

Bị đơn vắng nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Võ Du A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Võ Du A nhưng anh Du A không đến tham gia tố tụng tại Tòa án mà không có lý do. Tòa án đã triệu tập anh Du A tham D phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Du A vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Võ Du A.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Võ Du A do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Thuận, huyện V vào ngày 10 tháng 01 năm 2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh An là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống theo chị D trình bày thì thời gian anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải với nhau, anh Du A thường xuyên ghen tuông vô cớ, hành hung, ngược đãi xúc phạm danh D của chị D; Từ năm 2012 anh Du A thường xuyên tham gia cờ bạc không chăm lo cho gia đình. Chị D nhiều lần khuyên ngăn anh Du A nhưng đến năm 2018 anh lại tiếp tục cờ bạc, cầm cố thế chấp tài sản trong gia đình. Chị D và anh An đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh An đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã không còn sống chung từ tháng 11 năm 2018 đến nay nhưng vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ, đã cho thấy đời sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc D .

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2011. Cháu Th đang sống chung với chị D và có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với chị D. Chị D cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu Th. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường cho cháu Th cần tiếp tục giao cháu Th cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị D không yêu cầu anh Du A cấp dưỡng nuôi cháu Th nên anh Du A không phải cấp dưỡng nuôi cháu Th.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Võ Du A.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Võ Du A không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Th.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0009487 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã h;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh